

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 24

Môn: Phần AIII,IV - Kinh tế chính trị về phương thức tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ngày thi: 19/10/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Âu Việt Anh	6,25	Sáu phẩy hai năm	31	Phan Thị Mai Lan	6,50	Sáu phẩy năm
2	Trương Thị Cúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm	32	Lý Quang Lê	7,00	Bảy
3	Luong Thị Diệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	33	Lục Thị Luyên	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nông Thế Doãn	7,00	Bảy	34	Hứa Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
5	Hoàng Văn Đức	7,00	Bảy	35	Hoàng Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
6	Đường Thị Dung	7,25	Bảy phẩy hai năm	36	Tiêu Thị Hồng Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Bế Tuấn Duy	7,50	Bảy phẩy năm	37	Phạm Trung Nghĩa	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Phan Thị Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	38	Đàm Thị Kiều Nha	8,00	Tám
9	Nguyễn Thu Hà	8,00	Tám	39	Hoàng Thị Oanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lý Ích Hào	7,25	Bảy phẩy hai năm	40	Nguyễn Thanh Phong	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Lưu Thị Hậu	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Lưu Hồng Phong	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Mã Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Hoàng Minh Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Chu Văn Hiệu	8,25	Tám phẩy hai năm	43	Nông Thị Phượng	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Nguyễn Thị Kim Hoa	8,00	Tám	44	Nguyễn Thanh Sơn	8,00	Tám
15	Nông Đình Hoà	6,75	Sáu phẩy bảy năm	45	Bùi Thị Tâm	7,50	Bảy phẩy năm
16	Triệu Thanh Hòa	7,00	Bảy	46	Long Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
17	Tô Thị Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Nguyễn Thị Thu Thảo	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Thị Hòa	6,50	Sáu phẩy năm	48	Hoàng Thị Phương Thảo	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Nguyễn Thanh Hoàn	6,00	Sáu	49	Vương Quang Thiệp	8,25	Tám phẩy hai năm
20	Nông Thị Hợi	6,50	Sáu phẩy năm	50	Phùng Quang Thịnh	7,00	Bảy
21	Hoàng Thu Hồng	8,00	Tám	51	Nông Thị Thơ	6,75	Sáu phẩy bảy năm
22	Lý Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Thoi	7,25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Đỗ Mạnh Hùng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	53	Nhan Thị Thương		Hoãn thi
24	Đặng Việt Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nguyễn Văn Tiến	6,50	Sáu phẩy năm
25	Ngô Bằng Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Hoàng Văn Trung	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Đoàn Thị Hương	7,00	Bảy	56	Lục Quốc Trường	7,00	Bảy
27	Đàm Quang Hữu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Nguyễn Anh Tú	7,25	Bảy phẩy hai năm
28	Mã Thị Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Nguyễn Thị Ngọc Tú	7,50	Bảy phẩy năm
29	Bùi Thị Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Trần Trương Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
30	Chu Thị Lan	6,25	Sáu phẩy hai năm	60	Đàm Thị Thuỳ Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 02 điểm; Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 6,75: 06 điểm; Điểm 7,00: 07 điểm; Điểm 7,25: 09 điểm; Điểm 7,50: 12 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 05 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thuý



Hoàng Việt Hưng